

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **24/2023/DS-ST**

Ngày: 19-6-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2022/TLST-DS ngày 20/12/2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2023/QĐST-DS ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A**

Trụ sở tại: abc Tr Qu Kh, phường L Th T, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành N – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đông Đồng Nai (theo giấy ủy quyền số 409/UQ-VCB-PC ngày 12/10/2021 ngày 04/01/2021 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng A).

Người nhận ủy quyền lại:

1/ Ông Nguyễn Chung N1 – Phó Giám đốc.

2/ Bà Nguyễn Thị Hoài Ch – Chuyên viên.

(theo giấy ủy quyền số 38/UQ-VCB-ĐĐN ngày 05/12/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đông Đồng Nai)

Cùng địa chỉ: Số a Qu lộ 1A, xã H N, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1994 và ông Nguyễn Ngọc Qu,**

sinh năm 1987

Cùng trú tại: a, tổ b, khu phố c, phường H N, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:***

Ngày 17/12/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Đặng Thị M, ông Nguyễn Ngọc Qu ký hợp đồng cho vay số 20200486/NHNT.KHBL. Theo đó, ngân hàng cho bà M, ông Qu vay số tiền 4.800.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng lãi suất cố định trong 24 tháng tính từ thời điểm giải ngân, sau đó lãi cho vay bằng lãi suất huy động VNĐ 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng + 3,5% và được điều chỉnh định kỳ vào đầu mỗi quý. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay là để bù đắp tiền mua quyền sử dụng đất tại thửa số 53, tờ bản đồ số 53, xã H N, huyện Tr B. Hình thức trả nợ: trả gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng.

Cùng ngày, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200453/HĐBĐ/NHNT.KHNT.KHBL, theo đó: tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 53, xã H N, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai, có diện tích là 409m², đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/12/2015 cho bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Ngọc Qu.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M và ông Qu đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, số tiền lãi đầy đủ trong thời gian từ ngày 17/12/2020 đến tháng 8/2022. Từ ngày 15/9/2022 cho đến nay, bà M và ông Qu không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thị M, ông Nguyễn Ngọc Qu có nghĩa vụ thanh toán số tiền **4.684.431.969đ**, trong đó: nợ gốc còn lại là 4.266.666.654đ; dư nợ lãi là 398.097.555đ; lãi phạt trên gốc quá hạn là 5.898.812đ; lãi phạt trên nợ lãi quá hạn là 13.768.948đ (tạm tính đến ngày 19/6/2023). Và tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay đã ký, kể từ ngày 20/6/2023 đến ngày thanh toán xong. Đồng thời, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 53, xã H N, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200453/HĐBĐ/NHNT.KHNT.KHBL ngày 17/12/2020 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai (số công chứng 20034, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD) dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

**** Bị đơn trình bày:*** Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Về việc thụ lý đơn, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Qu và bà M nhưng ông Qu và bà M không có ý kiến trình bày hay phản đối. Như vậy chứng tỏ, việc vay mượn tiền giữa Ngân hàng A với ông Qu bà M theo yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và có thật; ông Qu bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 3, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Buộc ông Qu bà M trả Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 4.266.666.654 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 53, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, được giao kết tự nguyện, đối tượng và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Do vậy, được dùng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Qu bà M.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tại tiểu mục 14.1 Điều 14 của Hợp đồng cho vay, thể hiện: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Đặng Thị M, ông Nguyễn Ngọc Qu có thỏa thuận về giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền nơi Ngân hàng có trụ sở tại thời điểm nộp đơn. Trong khi đó, Ngân hàng có trụ sở tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (BL 30) nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay vốn, gồm: Hợp đồng cho vay số 20200486/NHNT.KHBL ngày 17/12/2020, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200453/HĐBĐ/NHNT.KHNT.KHBL ngày 17/12/2020, giấy nhận nợ ngày 18/12/2020 và 02 CMND (M, Qu), sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất. Ngày 15/9/2022, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/12/2022, Ngân hàng đã thông báo về việc chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Điều 13 của hợp đồng cho vay ngày 17/12/2020 và nộp đơn khởi kiện ngày 06/12/2022 là đảm bảo về quyền khởi kiện theo quy định khoản 2 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Đặng Thị M, ông Nguyễn Ngọc Qu đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác lên Tòa án làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do là từ chối nghĩa vụ chứng minh của mình. Nên Hội đồng xét xử, căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét hợp đồng cho vay số 20200486/NHNT.KHBL ngày 17/12/2020 được giao kết giữa Ngân hàng và bà M, ông Qu tuy không được công chứng, chứng thực nhưng cùng ngày các bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200453/HĐBĐ/NHNT.KHNT.KHBL và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai để đảm bảo cho khoản vay trên nên đây được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Giữa Ngân hàng và bà M, ông Qu có giao kết hợp đồng cho vay ngày 17/12/2020 để vay số tiền 4.800.000.000đ và thực tế bà M, ông Qu đã nhận đủ số tiền này theo giấy nhận nợ ngày 18/12/2020. Vì vậy, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó: bà M và ông Qu có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.684.431.969đ, trong đó: nợ gốc còn lại là 4.266.666.654đ; dư nợ lãi là 398.097.555đ; lãi phạt trên gốc quá hạn là 5.898.812đ; lãi phạt trên nợ lãi quá hạn là 13.768.948đ (tạm tính đến ngày 19/6/2023). Theo yêu cầu của Ngân hàng, căn cứ các hợp đồng cho vay, kể từ ngày 20/6/2023 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thì bà M, ông Qu còn phải trả các khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Ngoài ra, để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 53, xã H N, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai được thể hiện tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/12/2020 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Trảng Bom ngày 18/12/2020 theo quy định tại Điều 293, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực, đủ điều kiện để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đã nộp. Bà M, ông Qu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tố tụng, đường lối giải quyết và án phí của vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 293, Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Ngọc Qu về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Đặng Thị M, ông Nguyễn Ngọc Qu có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền **4.684.431.969đ** (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi một nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng) (tính đến ngày 19/6/2023), trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là 4.266.666.654đ (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng);

+ Số tiền dư nợ lãi là 398.097.555đ (Ba trăm chín mươi tám triệu không trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng);

+ Số tiền lãi phạt trên gốc quá hạn là 5.898.812đ (Năm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn tám trăm mười hai đồng);

+ Số tiền lãi phạt trên nợ lãi quá hạn là 13.768.948đ (Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày 20/6/2023, bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Ngọc Qu chậm thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 20200486/NHNT.KHBL ngày 17/12/2020 cho đến khi thanh toán xong.

- Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 53, xã H N, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

20200453/HĐBĐ/NHNT.KHNT.KHBL ngày 17/12/2020 được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Ngọc Qu có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

3. Về án phí:

- Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Ngọc Qu phải chịu số tiền 112.684.000đ (Một trăm mười hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 56.201.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002174 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung